

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 09 - 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Võ Thị Bời

2. Bà Nguyễn Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 320/2022/HNGĐ ngày 17/03/2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà H.T.T.N; sinh năm: 1987; Địa chỉ: thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh K.

*Bị đơn:* Ông P.V.C ; sinh năm: 1986; Địa chỉ: thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà H.T.T.N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông P.V.C được UBND xã V, thành phố N, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 02/02/2015. Ông C thường chơi game bắn cá, tiền bạc thì giấu tôi, làm ra nhiều tiền thì đưa cho tôi một ít, làm ít tiền thì giấu bớt để chơi game không đưa cho tôi. Ông C thiếu trách nhiệm với gia đình, muốn ở nhà thì ở, muốn đi thì đi. Vợ chồng chúng tôi đã mâu thuẫn từ lâu. Ông C làm việc ngoài đảo đã hơn một năm nay, và từ đó đến nay gần như không trở về nhà, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được

*Về con chung:* Chúng tôi có 01 con chung là P.H.N.Q, sinh ngày 11/6/2016. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 15 tháng 7 năm 2022, bị đơn ông P.V.C trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Tôi thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà N về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi thường xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Ai cũng có cái sai, tôi sai thì tôi nhận, còn vợ tôi sai thì chưa bao giờ nhận lỗi lấy một lần, kể cả việc bà N giấu tôi đi gặp chồng cũ. Tôi làm tất cả vì vợ con, nhưng chẳng khi nào bà N nghĩ đến tôi. Nay bà N yêu cầu ly hôn tôi đồng ý.

*Về con chung:* Chúng tôi có 01 con chung như bà N trình bày. Tôi đồng ý giao con chung là P.H.N.Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

*Về tài sản chung:* tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.T.T.N về việc được ly hôn ông P.V.C; giao con chung là P.H.N.Q cho bà H.T.T.N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà H.T.T.N khởi kiện ông P.V.C về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Nguyên đơn bà H.T.T.N và bị đơn ông P.V.C đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H.T.T.N và ông P.V.C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân UBND xã V, thành phố N, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 02/02/2015. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa bà N và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vì vậy bà N đã yêu cầu ly hôn, ông C đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, để các bên ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: bà N và ông C có một con chung là P.H.N.Q, sinh ngày 11/6/2016. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và ông C đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bên về việc nuôi con, giao con chung cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà H.T.T.N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.T.T.N.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H.T.T.N được ly hôn ông P.V.C.

1.2. *Về con chung:* Giao con chung là P.H.N.Q, sinh ngày 11/6/2016 cho bà H.T.T.N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông P.V.C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H.T.T.N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà H.T.T.N phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001320 ngày 17/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Do đó, bà H.T.T.N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND xã Vĩnh Lương;
- Đường sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Hải**